

**UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4012/SNN&PTNT-KHTC**

Thanh Hoá, ngày **15** tháng 10 năm 2019

V/v đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, trong quy hoạch tỉnh Thanh Hóa.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa

Nhận được Công văn số 5758/STNMT-CSDD ngày 26/9/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong quy hoạch tỉnh Thanh Hóa; Sở Nông nghiệp và PTNT đăng ký nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 (có phụ lục kèm theo).

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

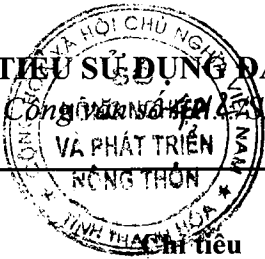


Đặng Tiến Dũng

Phụ lục số 01:

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THEO LĨNH VỰC NGÀNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Công văn số 412/NN&PTNT-KHTC ngày 15/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



STT		Mã	Diện tích tự nhiên hiện trạng, năm 2019	Dự kiến diện tích đến năm 2030	Diện tích tăng (+), giảm (-) trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)		(6)=(5)-(4)
	Tổng diện tích				
1	Đất nông nghiệp	NNP			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	144.075,04	100.000,00	(44.075,04)
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>128.650,15</i>	<i>100.000,00</i>	<i>(28.650,15)</i>
1.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	163.538,25	160.979,34	(2.558,91)
1.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	82.123,44	84.682,35	2.558,91
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	402.015,42	402.015,42	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN			
	Đất thủy lợi	DTL	14.975,15	15.206,63	231,48
	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	491,92	491,92	-
	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	154,93	155,63	0,70

Phụ lục số 02: CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT THEO KHU CHỨC NĂNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Công văn số 4012/STN&PTNT-KHTC ngày 15/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



ĐVT: ha

TT	Loại đất	Mã	Khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao	Khu lâm nghiệp	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
1	Đất nông nghiệp	NNP			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	150,34		
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	236,54		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	159,26		
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			83.723,43
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	26,54	136.000,00	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	35,40		
1.8	Đất làm muối	LMU			
2	Đất nông nghiệp khác	NKH	124,00		
2	Đất phi nông nghiệp	PNN			
2.1	Đất quốc phòng	CQP			
2.2	Đất an ninh	CAN			
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất khu chế xuất	SKT			
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD			
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC			
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	95,16		
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT			
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	184,41		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT			
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,13		
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON			
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,11		
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX			
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN			
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	50,05		
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC			
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,50		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	56,56		

Ghi chú: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được UBND tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 là 1000 ha và Khu nông nghiệp công nghệ cao Lam Sơn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 15/3/2013 với diện tích 124 ha.

Phụ lục 03:

DỰ KIẾN NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030:
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Công văn số 4014/SN&PTNT-KHTC ngày 15/10/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: ha



STT	Hạng mục	Diện tích thực hiện		Địa điểm (đến cấp huyện)	Năm thực hiện
		Hiện trạng	Tăng thêm (đến năm 2030)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Các công trình cấp tỉnh					
1	Trạm Kiểm dịch thực vật thuộc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thanh Hóa		0,15	Thành phố Thanh Hóa	2025
2	Kho lưu chứa thuốc BVTV, phân bón vi phạm (ORA)		0,15	Khu Công nghiệp Hoằng Long	2025
3	Trạm chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật		0,2	Xã Đông Tân, Thành phố Thanh Hóa	2020
4	Trạm kiểm dịch động vật Thành Lâm		0,2	Xã Thạch Lâm, huyện Thạch	2020